TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH P

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày: 16/4/2019
V/v: "Kiện đòi tài sản"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG -TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Nguyễn Kim Ái**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông: **Lưu Quang Ngọc;**

2. Ông: **Bùi Thanh Tâm.**

- *Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông **Lê Hồng Đăng** - Cán bộ TAND huyện Tam Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà:* Bà **Trần Hồng Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST-DSST ngày 22/01/2019 về việc "Kiện đòi tài sản" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khu 4, xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khu 4, xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu 6, xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Ngày 29/12/2011 tôi có cho bà Phạm Thị T ở khu 4, xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ vay số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), ngày 29/12/2012 tôi cho bà T vay thêm số tiền 8.000.000đồng (Tám triệu đồng). Ngày 20/5/2014 bà T trả cho tôi 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tổng số tiền bà T còn nợ tôi là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng). Tôi đã nhiều lần đến đòi nhưng bà T không trả. Nay tôi đề nghị bà T phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) và tôi không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày: Ngày 29/12/2011 tôi có vay của ông Nguyễn Văn N ở khu 4, xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), đến ngày 29/12/2012 tôi vay thêm số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Tổng số tiền tôi vay của ông N là 38.000.000 đ (Ba mươi tám triệu đồng) là đúng. Đến ngày 20/5/2014 tôi đã trả cho ông N số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) có viết giấy biên nhận trả tiền. Ngày 16/6/2014 tôi có đề nghị bà Nguyễn Thị D ở khu 6, xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ trả cho ông N số tiền là 15.000.000 đồng, không viết giấy biên nhận trả tiền. Do vậy, tổng số tiền tôi đã trả cho ông N là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), cho đến nay tôi còn nợ ông N 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) tôi sẽ có trách nhiệm trả lại cho ông N. Đồng thời bà T đề nghị Tòa án đưa bà Nguyễn Thị D tham gia tố tụng trong vụ án để trừ số tiền bà D đã trả cho ông N.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà Phạm Thị T có trình bày ngày 16/6/2014 bà T có đề nghị tôi trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) là hoàn toàn không đúng. Trước đây tôi có nợ bà T số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) nhưng bà T đã khởi kiện tôi và đã giải quyết năm 2014 tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tôi đã trả hết số tiền còn nợ bà T. Cho đến nay tôi không có liên quan tới vụ án kiện đòi tài sản giữa ông N và bà T nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử tôi đề nghị xét xử vắng mặt vì tôi không liên quan tới vụ án này.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình nên việc hòa giải không thành

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của ng- ời tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX

nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, riêng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án; và đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào bộ luật dân sự thì còn thời hiệu khởi kiện, đơn hợp lệ.

Về tố tụng: bị đơn bà Phạm Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, bà D theo khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội D:

Bà Phạm Thị T có vay của ông Nguyễn Văn N tổng số tiền 38.000.000 (Ba mươi tám triệu đồng) vào ngày 29/12/2011 và 29/12/2012 là có căn cứ bởi bà T cũng thừa nhận việc này. Đến ngày 20/5/2014 bà T đã trả cho ông N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Ngoài ra bà T cho rằng đến ngày 16/6/2014 bà T có đề nghị bà Nguyễn Thị D ở khu 6, xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ trả cho ông N số tiền là 15.000.000 đồng và không viết giấy biên nhận trả tiền. Ông N và bà D không thừa nhận việc đã trả và nhận như bà T nói. Cho đến nay ông N yêu cầu bà T phải trả cho ông số tiền là 28.000.000 đồng, bà T không nhất trí, mà bà T cho rằng chỉ còn nợ ông N số tiền 13.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bà T đưa ra những lý do nêu trên là thiếu căn cứ và không có sơ sở để chứng minh việc bà đã trả cho ông N số tiền 15.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông N đề nghị buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền gốc: 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) và ông N tự nguyện không yêu cầu tính lãi đối với số tiền mà bà T đã vay là phù hợp cần được chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N đ- ợc chấp nhận, nên bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; ông N đ- ợc hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 466, 468 khoản 1 điều 357 Bộ luật dân sự 2015, khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

* Buộc Bà Phạm Thị T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền gốc: 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bà T không trả tiền mà ông N có đơn đề nghị Cơ quan Thi hành án nếu bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t- ơng ứng với thời gian chậm trả tại thời điển thanh toán.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị T phải chịu 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả ông Nguyễn Văn N số tiền tạm ứng án phí 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003539 ngày 22/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Bản án này đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKS huyện
- THADS huyện
- Các đ- ơng sự
- L- u HS-VP

Nguyễn Kim Ái